

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng
Dự án Hệ thống kênh mương HTTL Nà Sản, tỉnh Sơn La

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 08/2017/QH14, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Số 3081/QĐ-BNN-KH ngày 15/7/2021, số 2120/QĐ-BNN-KH ngày 10/6/2022 phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Hệ thống kênh mương HTTL Nà Sản, tỉnh Sơn La; số 4143/QĐ-BNN-XD ngày 25/10/2021 phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thủy lợi Nà Sản, tỉnh Sơn La; số 4269/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/10/2017 phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Hệ thống thủy lợi Nà Sản, tỉnh Sơn La;

Căn cứ các văn bản của UBND tỉnh Sơn La: Số 1711/UBND-KT ngày 14/6/2021 và số 1002/UBND-KT ngày 17/3/2022 về việc thực hiện dự án Hệ thống kênh mương Nà Sản, tỉnh Sơn La;

Xét Tờ trình số 38/TTr-DANN ngày 29/4/2022 của Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sơn La trình thẩm định, phê duyệt Dự án Hệ thống kênh mương HTTL Nà Sản, tỉnh Sơn La, kèm theo hồ sơ thiết kế, thẩm tra;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình tại các Báo cáo thẩm định số 477/BC-XD-TĐ ngày 12/5/2022, số 660/BC-XD-TĐ ngày 13/6/2022 và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Hệ thống kênh mương HTTL Nà Sản, tỉnh Sơn La với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Hệ thống kênh mương HTTL Nà Sản, tỉnh Sơn La.

2. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sơn La.

4. Mục tiêu, nhiệm vụ, quy mô đầu tư xây dựng:

a) Mục tiêu đầu tư xây dựng: Khai thác hiệu quả nguồn nước của hồ Chiềng Dong đã đầu tư để cung cấp nước tưới cho các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao khu cao nguyên Nà Sản và tạo nguồn cấp nước sinh hoạt, chăn nuôi, thủy sản...

b) Nhiệm vụ của dự án: Đảm bảo cấp nước tưới cho 1.372ha đất canh tác của cao nguyên Nà Sản, tạo nguồn cấp nước sinh hoạt cho 12.500 người, cấp nước phục vụ chăn nuôi, thủy sản và các nhu cầu dùng nước khác.

c) Quy mô đầu tư xây dựng:

- Biện pháp công trình: Xây dựng mới các tuyến đường ống chính, các tuyến đường ống nhánh có $F_{tưới} \geq 20ha$ dẫn nước tưới.

- Quy mô và các thông số cơ bản: (Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

+ Đường ống chính: Dài 6,3km, lưu lượng thiết kế đầu ống $Q_{TK}=0,737m^3/s$, đường kính trong $D=(700\div 800)mm$, kết cấu ống HDPE PN8÷PN10, riêng đoạn từ K0÷K0+94 có độ dốc lớn, lựa chọn kết cấu bằng ống thép dày 8mm. Neo giữ ống bằng mố néo BTCT M200; bề rộng đáy móng ống $B=\Phi+0,6m$, hệ số mái $m=0,5$; lót đáy ống bằng mặt đá dày 20cm, hai bên ống chèn mặt đá đến tim ống; phạm vi hai bên và phía trên đỉnh ống đất đắp $K \geq 0,85$; chiều sâu lấp ống tối thiểu 0,9m.

+ Đường ống nhánh: Gồm 06 tuyến ống cấp 1, 19 tuyến ống cấp 2, 49 tuyến ống cấp 3 và nội đồng, tổng chiều dài các tuyến ống nhánh là 38,162km, đường kính trong $D=(70\div 540)mm$, kết cấu ống HDPE PN8÷PN16; lót đáy ống bằng mặt đá dày 20cm, hai bên ống chèn mặt đá đến tim ống; phạm vi hai bên và phía trên đỉnh ống đất đắp $K \geq 0,85$.

+ Công trình trên đường ống: Gồm 04 nhà van điều tiết; 51 cụm van tưới; 25 hố van điều tiết; 39 hố van xả khí; 06 hố van giảm áp; 20 hố van xả cặn; 29 mố néo trên đường ống chính; bể tiêu năng cuối đường ống chính; 47 cống qua đường.

+ Công trình phục vụ thi công, quản lý: Đường thi công, kết hợp quản lý vận hành số 1 - Bản Xum dài 0,31km; đường thi công, kết hợp quản lý vận hành số 3 - tiểu khu Tiên Phong dài 0,38km; các tuyến đường thiết kế theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn $B_n=3,5m$; $B_m=2,5m$; lề mỗi bên 0,5m. Kết cấu mặt đường đổ bê tông M250 dày 14cm.

+ Thiết bị cơ khí: Gồm van tổng, van điều tiết, van tưới, van xả khí, van giảm áp, van xả cặn, đồng hồ đo áp, đồng hồ đo lưu lượng.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi; khảo sát, lập thiết kế cơ sở: Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Nam Duong.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất:

- Địa điểm xây dựng: Huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Diện tích sử dụng đất: 16,96ha.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình và tần suất thiết kế:

- Loại dự án: Dự án đầu tư xây dựng mới.

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

- Loại công trình: Công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Cấp công trình và tần suất thiết kế: Hệ thống dẫn nước tưới cấp IV; tần suất đảm bảo cấp nước tưới $P=85\%$ (Lấy theo công trình đầu mối đã phê duyệt, cấp II). Hệ số tưới thiết kế $q=0,4$ (l/s.ha).

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn được áp dụng:

- Số bước thiết kế: Thiết kế 02 bước (thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công).

- Danh mục tiêu chuẩn được áp dụng: (Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

9. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư: Tổng mức đầu tư: **245.498.000.000 đồng** (Hai trăm bốn mươi lăm tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu đồng chẵn).

Trong đó:

- Phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:	45.717.955.000 đồng
- Phần xây dựng công trình:	199.780.045.000 đồng
+ Chi phí xây dựng:	145.031.461.000 đồng
+ Chi phí thiết bị:	2.420.097.000 đồng
+ Chi phí quản lý dự án:	2.503.996.000 đồng
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	12.299.336.000 đồng
+ Chi phí khác:	5.868.551.000 đồng
+ Chi phí dự phòng:	31.656.604.000 đồng

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

10. Tiến độ thực hiện dự án: Từ năm 2022 đến năm 2025.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

a) Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn NSNN do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý là 240.350.000.000 đồng;

- Vốn NSDP là 5.148.000.000 đồng.

b) Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: 245,498 tỷ đồng trong giai đoạn 2021-2025.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành.

13. Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

- Phạm vi giải phóng mặt bằng, gồm: Mặt bằng xây dựng hệ thống đường ống và công trình trên đường ống, các đường thi công kết hợp quản lý, khu phụ trợ, tổng cộng khoảng 16, 96 ha.

- Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cụ thể như sau:

+ Diện tích từng loại đất dự kiến thu hồi: Đất nông nghiệp 12,59ha, đất ở nông thôn 0,47ha, còn lại đất khác 3,9ha.

+ Dự kiến số tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trong khu vực thu hồi đất: Số hộ dân bị ảnh hưởng 734 hộ, không có hộ dân phải di dời.

+ Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 45,718 tỷ đồng.

+ Dự kiến tiến độ và kế hoạch di chuyển, bàn giao mặt bằng cho dự án: Bàn giao mặt bằng cho dự án trong quý IV/2022.

+ Các hạng mục công việc phục vụ tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 74/2015/TT-BTC và các công việc tư vấn, hạng mục khác có liên quan: tiền bảo vệ phát triển đất lúa, kiểm toán, thẩm tra quyết toán...

14. Những lưu ý giai đoạn sau:

- Khảo sát địa hình, địa chất theo đúng các quy định hiện hành để nghiên cứu, tính toán, lựa chọn tối ưu giải pháp kỹ thuật cho các hạng mục, đảm bảo an toàn công trình, hiệu quả kinh tế, thuận lợi khi khai thác vận hành. Làm rõ một số lưu ý về kỹ thuật theo báo cáo của đơn vị tư vấn thẩm tra.

- Nghiên cứu kỹ các phương án kết cấu ống để lựa chọn phương án tối ưu.

- Thiết kế, bố trí mặt bằng thi công chi tiết: Tối ưu hệ thống đường thi công nội bộ để tiết kiệm kinh phí, thuận lợi cho thi công; thiết kế chi tiết biện pháp thi công lắp đặt ống để đảm bảo an toàn, ổn định, đáp ứng tiến độ.

- Rà soát số lượng, vị trí các công trình trên đường ống (van điều tiết, van tưới, van xả khí, van xả cặn, van giảm áp và các tuyến ống cắt qua đường...) để thiết kế bố trí phù hợp điều kiện thực tế, đảm bảo hệ thống đường ống làm việc an toàn, ổn định và thuận lợi trong vận hành, khai thác công trình.

- Hoàn thiện các thủ tục về đầu nối giao thông.

- Lập quy trình kỹ thuật vận hành theo đúng các quy định hiện hành.
- Tận dụng tối đa đất đào để đưa vào đắp đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và tiết kiệm chi phí xây dựng. Xác định cụ thể khối lượng đào, đắp đất bằng biện pháp đào máy hoặc thủ công, cự ly vận chuyển đào, đắp đất đá để làm cơ sở nghiệm thu thanh toán, quyết toán công trình theo quy định.
- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm rà soát kỹ về khối lượng thiết kế bản vẽ thi công; tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá xây dựng công trình.
- Tổ chức lập Quy trình bảo trì công trình xây dựng theo các quy định tại Điều 31 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và Bảo trì công trình xây dựng.
- Thực hiện trách nhiệm của Chủ đầu tư dự án theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
- Trách nhiệm của Chủ đầu tư trong quản lý chi phí, đấu thầu:
 - + Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho toàn bộ các hạng mục công việc của dự án theo quy định tại Điều 33 Luật đấu thầu, trừ các hạng mục công việc theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 Luật Đấu thầu.
 - + Trường hợp điều chỉnh tổng mức đầu tư đã được phê duyệt (bao gồm cả trường hợp phân điều chỉnh tăng bằng phân điều chỉnh giảm), báo cáo Bộ xem xét, quyết định trước khi triển khai theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 15 Nghị định nêu trên.
 - + Lập, phê duyệt, cập nhật tổng dự toán của dự án và phê duyệt dự toán các hạng mục chi phí theo quy định tại khoản 3 Điều 11, khoản 2 Điều 14 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP làm cơ sở quản lý chi phí của dự án. Đối với các hạng mục chi phí được tạm tính tại tổng mức đầu tư, Chủ đầu tư báo cáo Bộ có ý kiến về dự toán trước khi phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. UBND tỉnh Sơn La:

- (i) Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt Hợp phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và thực hiện (bao gồm cả phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các hạng mục công việc có liên quan), đảm bảo mặt bằng theo tiến độ thi công xây dựng công trình; (ii) tổ chức bảo vệ phạm vi mặt bằng công trình đã được giải phóng mặt bằng đến khi công trình bàn giao đưa vào sử dụng (tránh trường hợp tái lấn chiếm); (iii) quyết toán hợp phần đền bù và gửi về Bộ Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp quyết toán chung; (iv) chỉ đạo đơn vị quản lý, khai thác nhận bàn giao công trình hoàn thành trên địa bàn tỉnh để quản lý, khai thác theo quy định.

- Chỉ đạo các ban ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan trong Tỉnh phối hợp chặt chẽ với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Sơn La trong quá trình thi công xây dựng công trình để đảm bảo tiến độ.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La thực hiện chức năng Chủ đầu tư, chịu trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

3. Cục Quản lý xây dựng công trình là cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng công trình, chịu trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành.

4. Vụ Kế hoạch; Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La và Thủ trưởng các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- Sở NN&PTNT Sơn La;
- Kho bạc NN Sơn La;
- Lưu: VT, XD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp